

Bản án số: 28/2025/KDTM-ST

Ngày: 29 - 9 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HUNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Đức Hiền
- Ông Đoàn Minh Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP T (T)**

Trụ sở: Toà nhà T, số X Lý Thường Kiệt, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là Toà nhà T, số X, phố L, phường C, Thành phố Hà Nội)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh Ph, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ L - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ KHCN (Theo Giấy ủy quyền số 05/2025/GUQ-TPB.HĐQT ngày 10/01/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Tiên Phong)

Người được ủy quyền lại: Ông Bùi Ng A, ông Trần Trung K, ông Bùi Sỹ Q, ông Nguyễn Công Tr chức vụ: Cán bộ xử lý nợ, Đội xử lý nợ 1 - Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân - Khối Giám sát tín dụng và XLN khách hàng cá nhân, Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

2. Bị đơn:

- Ông **Nguyễn Đắc S** ; S ngày: 16/11/1962;
- Bà **Trần Thị L** ; S ngày: 18/01/1966;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Đắc Ng** , S năm 1990

Ông S, bà L và anh Ng đều có địa chỉ thường trú: Tổ dân phố T, phường B, tỉnh Hưng Yên (thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình cũ).

(Đại diện ủy quyền của Ngân hàng TMCP T, ông Nguyễn Công Tr có mặt, ông S, bà L và anh Ng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong, có yêu cầu cụ thể như sau:

- Ngày 21/4/2023, Ngân hàng thương mại cổ phần T với ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L đã ký 02 hợp đồng cho vay gồm hợp đồng vay kiêm thế chấp xe ô tô của bên thứ ba số 315/2023/HDTD/TTBMB và hợp đồng vay số 316/2023/HDTD/TTB MB1, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng vay số 315: số tiền vay 630.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi triệu đồng). Mục đích vay, bổ sung tài sản cố định của khách hàng. Phương thức giải ngân chuyển khoản trực tiếp cho bên thụ hưởng là Công ty TNHH kinh doanh ô tô NISU. Nội dung hộ kinh doanh Trần Thị L thanh toán tiền mua xe ô tô theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 185/HĐMB/ISUZU/2023.

+ Hợp đồng vay số 316, số tiền vay 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Mục đích vay, thanh toán phí bảo hiểm Tín Bảo An - vay tiêu dùng cá nhân. Phương thức giải ngân chuyển khoản trực tiếp cho bên thụ hưởng là Công ty bảo hiểm toàn cầu TP Hồ Chí Minh.

Nội dung của hai hợp đồng đều thể hiện:

Thời hạn vay vốn 72 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân (21/3/2023 đến 21/4/2029). Ngày giải ngân là ngày 21/4/2023. Lãi suất cho vay áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân là 12,5%/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày trả nợ cuối cùng điều chỉnh 03 tháng 01 lần và bằng lãi suất cơ sở VND kỳ hạn 3 tháng bằng áp dụng đối với khách hàng cá nhân của T tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,6%/năm. Kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Phương thức trả nợ bằng tiền mặt và chuyển khoản. Lịch trả nợ, trả nợ gốc nhiều lần theo lịch trả nợ do T gửi khách hàng, định kỳ 01 tháng/lần, trả đều hàng tháng vào ngày 26, ngày cuối cùng trả là ngày 21/4/2029, lãi vay trả hàng tháng theo dự nợ gốc thực tế. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả

bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả áp dụng khi khách hàng không trả đúng hạn tiền vay theo quy định tại hợp đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng số 315, hộ kinh doanh bà Trần Thị L đã tự nguyện thế chấp tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu ISUZU FRR90NE4, màu trắng số khung RLEFRR90NNV002586, số máy 4HK1 0RD186 biển kiểm soát 29 H 687.41, theo giấy đăng ký xe ô tô số 29368929 của Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 19/4/2023 cho HKD Trần Thị L. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Mục đích vay của Hợp đồng này là vay bổ sung tài sản cố định của khách hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông S và bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho T. Ngày thanh toán nợ hàng tháng của bà Trần Thị L và ông Trần Đắc S tại Ngân hàng Tiên Phong cho 02 khoản vay trên là ngày 26 hàng tháng. Vì vậy, căn cứ sao kê tài khoản thời điểm vi phạm hợp đồng của bà Trần Thị L và ông Trần Đắc S được xác định: từ ngày 29/06/2023 ghi nhận thu tiền phạt quá hạn do bà Trần Thị L và ông Trần Đắc S thanh toán chậm nợ cho Ngân hàng Tiên Phong. Đến ngày 26/12/2024, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của ông S bà L sang nợ quá hạn do ông S bà L không thanh toán gốc, lãi hàng tháng cho Ngân hàng T. Ngân hàng đã làm việc và gửi các thông báo đôn đốc cho bà Trần Thị L và ông Trần Đắc S thực hiện hợp đồng tín dụng khi vi phạm nhưng ông S, bà L không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết trong Hợp đồng. Tạm tính đến ngày 04/8/2025, ông S và bà L đã thanh toán cho T tổng số tiền 284.656.232 đồng.

Ngân hàng khởi kiện buộc ông S và bà L phải thanh toán cho T khoản nợ phát S từ Hợp đồng cho vay cùng các khế ước giải ngân/nhận nợ, các văn bản tín dụng khác kèm theo đã ký với T, với tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/8/2025 là 524.755.790 đồng và thanh toán lãi phát S trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay và các thỏa thuận khác đã ký cho đến khi thực tế thanh toán hết các nghĩa vụ cho T. Trường hợp kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực mà ông S, bà L không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho T thì T có quyền đề nghị cơ quan Thi hành có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu ISUZU FRR90NE4, màu trắng số khung RLEFRR90NNV002586, số máy 4HK1 0RD186 biển kiểm soát 29 H 687.41, theo giấy đăng ký xe ô tô số 29368929 của Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 19/4/2023 cho HKD Trần Thị L. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L đối với T. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L có nghĩa vụ phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho T.

Ngày 11/9/2025 T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi của khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 315 và 316 ký ngày 21/4/2023 đối với ông S, bà L.

Tại phiên tòa đại diện T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với toàn bộ khoản vay 25.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng vay số 316, không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng vay 316 đối với ông S, bà L nữa. T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về nghĩa vụ thanh toán tiền vay gồm gốc và lãi theo Hợp đồng số 315 đối với ông S, bà L, cụ thể: Buộc ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho T số tiền nợ gốc: 482.152.782 đồng, nợ lãi trong hạn: 43.973.609 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.947.807 đồng. Tổng cộng: 532.074.198 đồng; đồng thời đề nghị xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L đối với T theo hợp đồng thế chấp đã đăng ký bảo đảm trong trường hợp ông S bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Cụ thể: Buộc ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho T số tiền nợ gốc: 482.152.782 đồng, nợ lãi trong hạn: 43.973.609 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.947.807 đồng. Tổng cộng: 532.074.198 đồng.

2. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Đắc S, bà Trần Thị L và anh Nguyễn Đắc Ng được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án: Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Biên bản xác minh ngày 21/8/2025 tại UBND phường Thái Bình, thể hiện: Ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L có đăng ký hộ khẩu tại Thôn Tân Hương, phường Thái Bình, ông S bà L vẫn đang S sống tại địa phương. Ông S làm thợ xây, sáng đi tối về, bà L ở nhà nội trợ. Khoản vay giữa ngân hàng và ông S, bà L địa phương không nắm được do không làm thủ tục ký kết qua địa phương. Thu nhập của ông S, bà L địa phương không nắm được. Ông S, bà L có con trai là Nguyễn Đắc Ng có đăng ký hộ khẩu tại địa phương, ở cùng ông S, bà L và được giao sử dụng chiếc xe ô tô ISZU ER90NE4 biển số đăng ký X-687.41 để chở gạch và các thiết bị gạch men cho việc kinh doanh.

Biên bản làm việc và xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/8/2025 tại tổ dân phố Tân Hương, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên: không tiến hành xem xét thẩm định được đối với chiếc xe ô tô ISZU ER90NE4 biển số đăng ký X-687.41 do không gặp được bị đơn, xe không có trong lán xe nhà bị đơn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 117,

Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, buộc ông S, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng T tính đến ngày xét xử số tiền 532.074.198 đồng (Bằng chữ: Năm trăm ba mươi hai triệu không trăm bảy mươi tư nghìn một trăm chín mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 482.152.782 đồng, lãi trong hạn là 43.973.609 đồng, lãi quá hạn là 5.947.807 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông S, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng. Trường hợp kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực mà ông S, bà L không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho T thì T có quyền đề nghị cơ quan Thi hành có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu ISUZU FRR90NE4 theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô của bên thứ ba và các văn bản, thỏa thuận giữa T và ông S, bà L đã ký kết để thi hành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T. Ông S, bà L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô của bên thứ ba đã ký kết và đã đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày 21/4/2023. Bị đơn cư trú tại xã Phúc Thành, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nay là phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên. Tại thời điểm thụ lý vụ án do nguyên đơn chưa giao nộp giấy chứng nhận hộ kinh doanh của bà Trần Thị L nên Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ án theo quan hệ tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa xác định ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L là vợ chồng có đăng ký kết hôn và có đăng ký hộ kinh doanh. Xét mục đích ký kết hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô của bên thứ ba giữa nguyên đơn và bị đơn đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025, xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại

về “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/12/2024, ông S và bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên T đã chuyển toàn bộ dư nợ chưa trả sang nợ quá hạn. Ngày 24/4/2025, Ngân hàng đã có đơn khởi kiện. Căn cứ vào Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Nội dung:

[3.1] *Về tính pháp lý của hợp đồng:* Xét thấy hợp đồng vay kiêm thế chấp xe ô tô của bên thứ ba số 315/2023/HDTD/TTBMB1 vào ngày 21/4/2023 ký kết giữa T với ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L (đã đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày 21/4/2023) được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung mục đích của hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung vào năm 2017, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước và Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng tại thời điểm giao kết nên xác định Hợp đồng là hợp pháp và có hiệu lực thi hành.

[3.2] Xét yêu cầu của T về việc buộc ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L phải trả cho T tổng số tiền 532.074.198 đồng (Bằng chữ: Năm trăm ba mươi hai triệu không trăm bảy mươi tư nghìn một trăm chín mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 482.152.782 đồng, lãi trong hạn là 43.973.609 đồng (lãi trong hạn 12.5%/năm điều chỉnh 03 tháng/01 lần + biên độ 3,6%/năm); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thì thấy:

Về số tiền nợ gốc: Ngày 21/4/2023 Ngân hàng T đã cho ông S, bà L vay tổng số tiền 630.000.000 đồng (theo hợp đồng vay kiêm thế chấp xe ô tô của bên thứ ba số 315/2023/HDTD/TTBMB1). Thực hiện đúng hợp đồng, ngân hàng T đã giải ngân đủ số tiền vay trên cho ông S bà L vào ngày 21/4/2023 theo phương thức giải ngân chuyển khoản trực tiếp cho bên thụ hưởng với thông tin chi tiết như sau: Tên bên thụ hưởng: Công ty TNHH Kinh doanh ô tô NISU, tên tài khoản: Công ty TNHH Kinh doanh ô tô NISU, số tài khoản: 116002639368 tại Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đông Hà Nội, số tiền 630.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi triệu đồng), nội dung: HKD Trần Thị L thanh toán tiền mua xe theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 185/HĐMB/IUU/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S, bà L đã thanh toán

cho T tính đến ngày 04/8/2025 tổng số tiền là 284.656.232 đồng. Các bên không có tranh chấp gì với nhau về lãi suất. Do ông S, bà L vi phạm cam kết trả nợ gốc nên ông S bà L phải có nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015: *“Nghĩa vụ trả nợ của bên vay: 1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Về số tiền nợ lãi: Giữa các bên khi ký hợp đồng có thỏa thuận trả lãi:

Tại Điều 1, mục 1.10 của hợp đồng vay: Lãi suất cho vay (còn gọi là lãi suất cho vay trong hạn) 12.5%/năm, điều chỉnh 03 tháng/01 lần + biên độ 3,6%/năm.

Tại Điều 3 của hợp đồng vay: Các điều kiện, điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô được các bên thống nhất thỏa thuận tại điều kiện, điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô (số hiệu văn bản 027/2022/HD-TPB.RB, có hiệu lực kể từ ngày 15/8/2022) được đính kèm và là một phần không thể tách rời của hợp đồng này, tạo thành một thể thống nhất, trọn vẹn, thể hiện sự thỏa thuận của các bên về cho vay và thế chấp xe ô tô.

Tại mục 3.3 Điều 3 của văn bản 027/2022/HD-TPB.RB, ngày hiệu lực ngày 15/8/2022, thể hiện:

Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng trong trường hợp khoản nợ vay của khách hàng bị chuyển nợ quá hạn.

Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định:

“5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xét xử sơ thẩm quy định:

“1. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01-01-2017 được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy

phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả.

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

2. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn.

3. Thời gian chậm trả tiền nợ gốc bắt đầu kể từ ngày chuyển nợ quá hạn đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

4. Thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”.

Khoản 2 Điều 91. Luật tổ chức tín dụng năm 2010:

“2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.”

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông S, bà L phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng T toàn bộ số tiền là 532.074.198 đồng, trong đó nợ gốc: 482.152.782 đồng, nợ lãi trong hạn: 43.973.609 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.947.807 đồng.

* Đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi (1.692.372 đồng tính đến ngày 29/9/2025) của Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô của bên thứ ba số 315/2023/HDTD/TTB MB1 ngày 21/4/2023 ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong và ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L do T tự nguyện rút yêu cầu nên đình chỉ không giải quyết.

* Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong buộc ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L phải thanh toán khoản nợ gốc và lãi phát S theo Hợp đồng vay số 316/2023/HDTD/TTB MB1 ngày 21/4/2023 ký giữa ông S, bà L với Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong. Do Ngân hàng thương

mại cổ phần Tiên Phong tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ giải quyết theo quy định tại Điều 5 và khoản 2 Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

* Xét yêu cầu về việc xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp ông S, bà L không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thì thấy: Tại Điều 2 trong hợp đồng vay tài sản số 315/2023/HDTD/TTB MB1 ngày 21/4/2023 đã thể hiện bên vay đồng ý thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu ISUZU FRR90NE4, màu trắng số khung RLEFRR90NNV002586, số máy 4HK1 ORD186 biển kiểm soát 29 H 687.41, giao dịch thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm - Bộ tư pháp. Do đó giao dịch thế chấp tài sản giữa các bên là hợp pháp. Theo biên bản xác minh tại UBND phường Thái Bình thì hiện chiếc xe trên đang do anh Nguyễn Đắc Ng đang sử dụng, Tòa án đã tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng ông S, bà L, anh Ng không đến Tòa trình bày nên xác định chiếc xe ô tô thuộc quyền quản lý của bà L và phải thực hiện theo giao dịch thế chấp với ngân hàng đúng với quy định tại Điều 298 Bộ luật Dân sự 2015 và thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên đã ký kết.

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông S và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong:

1. Buộc ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 532.074.198 đồng (Bằng chữ: Năm trăm ba mươi hai triệu không trăm bảy mươi tư nghìn một trăm chín mươi tám đồng), trong đó nợ gốc: 482.152.782 đồng, nợ lãi trong hạn: 43.973.609 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.947.807 đồng phát S theo Hợp

đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô của bên thứ ba số 315/2023/HDTD/TTB MB1 ngày 21/4/2023 ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong hợp đồng và ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2025) cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi thực tế thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T.

3. Xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực mà ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho T thì T có quyền đề nghị cơ quan Thi hành có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu ISUZU FRR90NE4, màu trắng số khung RLEFRR90NNV002586, số máy 4HK1 0RD186 biển kiểm soát 29 H 687.41, theo giấy đăng ký xe ô tô số 29368929 của Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 19/4/2023 cho HKD Trần Thị L. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L đối với T theo đúng nội dung của Hợp đồng cho vay và các văn bản, thỏa thuận liên quan mà hai bên đã ký kết.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong buộc ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L phải thanh toán khoản nợ gốc và nợ lãi phát S theo Hợp đồng vay số 316/2023/HDTD?TTB MB1 ngày 21/4/2023 ký giữa ông S, bà L với Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong.

5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong buộc ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L phải thanh toán khoản tiền phạt chậm trả lãi (là 1.692.372 đồng tính đến ngày 29/9/2025) phát S

theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô của bên thứ ba số 315/2023/HDTD/TTB MB1 ngày 21/4/2023 ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong và ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L.

[2] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đắc S và bà Trần Thị L phải nộp 25.282.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong số tiền 12.120.000 đồng (*Mười hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000567 ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (nay là Thi hành án tỉnh Hưng Yên).

[3] Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2025). Ông Nguyễn Đắc S, bà Trần Thị L và anh Nguyễn Đắc Ng có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
 (Đã ký)

